

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/DS-PT

Ngày: 28-01-2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Mai Thị Đào Uyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 725/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1338/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phan Văn Bé B, sinh năm 1964 (có mặt);

1.2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn:

2.1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt);

2.2. Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Quốc T1, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Mai Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 12/5/2025 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C trình bày:*

Do chỗ hàng xóm, anh Đ, chị T cần tiền điều trị bệnh cho chị T nên có hỏi vay tiền, vàng của ông bà nhiều lần. Cụ thể:

+ Ngày 31/01/2024, vay số tiền 50.000.000 đồng, do chị T đại diện lập biên nhận.

+ Ngày 10/3/2024 âm lịch (nhằm ngày 18/4/2024) vay 15 chỉ vàng 24kr, do chị T đại diện lập biên nhận.

+ Tháng 5/2024, vay số tiền 20.000.000 đồng, do cần tiền gấp chữa bệnh nên không có lập biên nhận.

+ Ngày 02/9/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng được chuyển khoản từ tài khoản của con rể là Hồ Quốc T1 vào tài khoản của chị T (6902205567780) tại Ngân hàng A.

Tổng cộng 04 lần vay là 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24kr, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, vàng là 1.500.000đ/tháng/15 chỉ, thời hạn vay vàng là 01 năm, tiền không thời hạn. Khi nào ông bà cần thì thông báo trước 01 tháng cho anh Đ, chị T trả.

Từ khi vay cho đến nay, anh Đ, chị T trả lãi cho ông bà đến tháng 12/2024 thì ngưng không hoàn trả vốn và lãi.

Yêu cầu anh Đ, chị T có nghĩa vụ trả 01 lần số tiền vốn vay 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24kr ngay khi án có hiệu lực. Yêu cầu tính lãi suất phát sinh trên số tiền 80.000.000 đồng theo mức lãi suất là 1,5%/tháng từ ngày 02/01/2025 cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

** Theo tờ tự khai ngày 05/6/2025, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/6/2025 và lời khai tại Tòa, bị đơn anh Mai Văn Đ trình bày:*

Anh và chị T là vợ chồng. Từ trước giờ anh đi làm có tiền là đều giao cho chị T quản lý, chi tiêu trong gia đình. Anh không biết việc chị T làm gì để nợ ông B, bà C nên anh không đồng ý trả gì cho ông bà. Yêu cầu ông B, bà C tìm chị T để giải quyết.

** Bị đơn chị Trần Thị T không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.*

** Theo tờ tự khai ngày 12/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Quốc T1 trình bày:*

Vào ngày 02/9/2024, anh có chuyển tiền vào tài khoản của chị T là 6902205567780 số tiền 10.000.000 đồng, ông B đã chuyển trả lại cho anh. Ông B được quyền kiện chị T để lấy lại 10.000.000 đồng. Và anh có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị T liên đới trả số tiền vốn vay 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24kr ngay khi án có hiệu lực, không yêu cầu lãi suất phát sinh.

* **Bản án dân sự sơ thẩm số:** 56/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 288, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C.

Buộc anh Mai Văn Đ, chị Trần Thị T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C số tiền 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày ông B, bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ, chị T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, bị đơn Mai Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng anh Đ không đồng ý liên đới với chị Trần Thị T trả cho ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C số tiền 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Kiểm sát viên nhận định: Bị đơn anh Mai Văn Đ kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận, đề

ngợi Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Mai Văn Đ nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C và yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Mai Văn Đ:

Nguyên đơn ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T và anh Mai Văn Đ phải liên đới trả cho ông B, bà C số tiền nợ vay là 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k. Chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Anh Đ không đồng ý liên đới với chị T trả nợ cho ông B, bà C.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C buộc Mai Văn Đ, chị Trần Thị T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C số tiền 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k. Anh Đ không đồng ý với bản án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng anh Đ không đồng ý liên đới với chị Trần Thị T trả cho ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C số tiền 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Mai Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Đ kháng cáo không đồng ý liên đới với chị Trần Thị T trả cho ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C số tiền 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Đ và chị T, sử dụng phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình đồng thời anh Đ xác định đi làm có tiền đều giao cho chị T quản lý chi tiêu trong gia đình nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đ, chị T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông B, bà C là phù hợp.

Anh Mai Văn Đ kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

Các phần khác của án sơ thẩm xét xử có căn cứ, không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Mai Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mai Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào các điều 288, 357, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C.

Buộc anh Mai Văn Đ, chị Trần Thị T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Văn Bé B, bà Lê Thị C số tiền 80.000.000 đồng và 15 chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày ông B, bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ, chị T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- A, chị T phải liên đới chịu 12.767.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Lê Thị C số tiền 1.206.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001714 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Đồng Tháp).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Mai Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001932 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh Đ đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 5 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 5 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Phong